VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản[1].

---

[1] Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.[2] Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc cho vay đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ; cho vay vốn lưu động để khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP) và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a)[3] Chủ tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

b) Các ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản."

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay

1. Chủ tàu có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả gốc, lãi đúng hạn cho ngân hàng thương mại theo hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay đối với chủ tàu theo quy định tại Thông tư này. Những nội dung không được quy định trong Thông tư này thì ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 3. Mục đích vay vốn

1.[4] Cho vay để chủ tàu đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

2. Cho vay ngắn hạn để chủ tàu đảm bảo chi phí khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện vay

1. Đối với cho vay đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần khai thác hải sản:

a) Tàu đóng mới phải có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; nâng cấp tàu có tổng công suất máy chính dưới 400CV thành tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên và nâng cấp công suất máy đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên;

b) Chủ tàu có tên trong danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể;

c) Chủ tàu cam kết mua đầy đủ bảo hiểm theo quy định đối với thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) sau khi hoàn thành việc đóng mới, nâng cấp tàu và trước khi đưa vào sử dụng;

d) Phương án vay vốn được ngân hàng thương mại thẩm định có hiệu quả, khả thi.

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

2. Đối với cho vay vốn lưu động:

a) Chủ tàu đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và phương án sản xuất kinh doanh cụ thể;

b) Phương án vay vốn được ngân hàng thương mại thẩm định có hiệu quả, khả thi.

Điều 5. Hạn mức, lãi suất và thời hạn cho vay

1.[5] Hạn mức, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 1, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

2. Việc cho vay đóng mới, nâng cấp tàu được Ngân sách Nhà nước cấp bù một phần lãi suất. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cấp bù lãi suất được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn (bao gồm cả phần hỗ trợ lãi suất của Nhà nước) do ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận theo quy định của pháp luật và được quy định trong hợp đồng tín dụng.

4. Thời hạn cho vay

a)[6] Thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP);

b) Thời hạn cho vay vốn lưu động do ngân hàng thương mại và chủ tàu thỏa thuận, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng.

Điều 6. Tài sản bảo đảm

1. Ngân hàng thương mại nhận con tàu đóng mới, nâng cấp để khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với con tàu đóng mới, nâng cấp được thực hiện theo quy định hiện hành.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

2. Trường hợp cho vay vốn lưu động: Ngân hàng thương mại xem xét và quyết định việc cho vay có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản đối với chủ tàu theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phân loại nợ và xử lý rủi ro

1. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Cơ chế xử lý rủi ro trong trường hợp do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng đối với khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu, ngân hàng thương mại được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

3. Trường hợp chủ tàu không trả nợ gốc và lãi do các nguyên nhân khác, ngân hàng thương mại xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ tàu

1. Chủ tàu có quyền đề nghị vay với thời hạn và hạn mức vay thấp hơn quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 5 Thông tư này để phù hợp với phương án kinh doanh và được quyền trả nợ trước hạn đối với khoản vay.

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho ngân hàng thương mại để thẩm định và quyết định cho vay.

3. Trường hợp Ngân sách Nhà nước thu hồi số tiền cấp bù lãi suất do phát hiện chủ tàu có sai phạm trong việc sử dụng vốn vay hoặc các khoản nợ quá hạn của chủ tàu không phải do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, chủ tàu có trách nhiệm hoàn trả lại cho ngân hàng thương mại toàn bộ phần lãi suất cấp bù bị thu hồi.

Điều 9. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại

1. Các ngân hàng thương mại Nhà nước nắm cổ phần chi phối có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn vốn và tích cực triển khai việc cho vay đối với chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Căn cứ vào Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, các ngân hàng thương mại xây dựng quy định nội bộ hướng dẫn cho vay đối với chủ tàu đảm bảo trình tự, thủ tục đơn giản, nhanh gọn và an toàn về nguồn vốn cho vay.

3. Ngân hàng thương mại được xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở kiểm soát được dòng tiền đối với khoản vay vốn lưu động của chủ tàu khi chủ tàu tham gia liên kết theo chuỗi sản xuất từ khâu khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

4. Trường hợp phát sinh khó khăn về nguồn vốn cho vay để thực hiện chính sách tín dụng theo quy định tại Thông tư này hoặc khi mặt bằng lãi suất tăng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, ngân hàng thương mại báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được tái cấp vốn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát khoản vay và quản lý riêng hồ sơ vay vốn của chủ tàu đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Định kỳ chậm nhất vào ngày mồng 10 hàng tháng (bắt đầu từ tháng 10 năm 2014), báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) kết quả cho vay khai thác hải sản xa bờ của tháng liền kề trước đó theo mẫu biểu đính kèm Thông tư này.

7. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai cho vay để được xem xét xử lý kịp thời.

8.[7] Phối hợp với chủ tàu để xem xét điều chỉnh thời gian cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP).

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả cho vay theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các công cụ điều hành chính sách tiền tệ theo quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 9 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay của ngân hàng thương mại đối với chủ tàu theo quy định của Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

---

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi, kiểm tra việc triển khai cho vay của các ngân hàng thương mại đối với chủ tàu trên địa bàn; kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết quả thực hiện và những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành[8]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

2. Việc giải ngân các khoản cho vay theo Thông tư này được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ngân hàng thương mại, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

---

[8] Điều 2 Thông tư số 21/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này."

NGÂN HÀNG……..

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ THEO THÔNG TƯ SỐ……/2014/TT-NHNN NGÀY..... THÁNG…….. NĂM…… CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tháng... Năm...

Đơn vị: triệu đồng, chiếc tàu, khách hàng

STT	Mục đích vay vốn	Số lượng tàu được đóng mới/nâng cấp lũy kế từ đầu chương trình	Tổng số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng tín dụng	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình	Dư nợ tại thời điểm báo cáo			Số khách hàng còn đang dư nợ				Số lượt khách hàng được vay vốn lũy kế từ đầu chương trình
						Tổng số	*Trong đó:*		Cá nhân, hộ gia đình	Hợp tác xã	Doanh nghiệp	Tổ chức khác	
							Nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	*Nợ quá hạn*					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	**Chi nhánh A**												
	Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay nâng cấp tàu												
	Cho vay vốn lưu động												
2	**Chi nhánh B**												
	Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ												

STT	Mục đích vay vốn	Số lượng tàu được đóng mới/nâng cấp lũy kế từ đầu chương trình	Tổng số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng tín dụng	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình	Dư nợ tại thời điểm báo cáo			Số khách hàng còn đang dư nợ				Số lượt khách hàng được vay vốn lũy kế từ đầu chương trình
						Tổng số	*Trong đó:*		Cá nhân, hộ gia đình	Hợp tác xã	Doanh nghiệp	Tổ chức khác	
							Nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	*Nợ quá hạn*					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
	Cho vay nâng cấp tàu												
	Cho vay vốn lưu động												
...	...												
	…												
3	**Tổng cộng (1+2+...),** ***trong đó:***												
	Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ												
	Cho vay nâng cấp tàu												
	Cho vay vốn lưu động												

Ghi chú:

- Ngày số liệu là ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

- Hình thức gửi báo cáo:

+ Bằng văn bản: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - 25 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội;

+ Email: tindungsbv@gmail.com.

+ Liên hệ: 0439360407 (máy lẻ 518058).

Lập biểu *(Ghi rõ tên, số điện thoại người báo cáo)*	**Ngân hàng** *(Người đại diện hợp pháp của ngân hàng ký tên và đóng dấu)*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 09/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2015

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng